TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 251/2023/DSST.
Ngày: 18-7-2023.
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn.
2. Bà Võ Thị Mai.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyến, thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 476/2022/TLST-DS, ngày 23/11/2022, về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2023/QĐST-DS ngày 31/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 222/2023/QĐST-DS ngày 26/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A; địa chỉ: đường K, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, đại diện theo ủy quyền: bà Hứa Thị Phương K, sinh năm 1993 theo giấy ủy quyền số 2042/UQ-QLN.22 ngày 19/9/2022 (Có mặt).

Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc Th, sinh năm:1990; địa chỉ: đường H, Phường S, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp ngày 12/4/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/3/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP A, bà K trình bày: Ngày 4/6/2018 Ngân hàng TMCP A (gọi tắt là Ngân hàng) có ký với bà Trần Thị Ngọc Th hợp đồng tín dụng trả góp số BH2.CN.572.040618, số tài khoản vay 263543599, số tiền vay là 100.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng. Mục đích UIL- tiêu dùng tín chấp- hỗ trợ tiêu dùng - tiêu dùng. Lãi suất trong hạn 10%/năm (tính theo dư nợ ban đầu "LS1") và 19,67%/năm (tính theo dư nợ vay thực tế "LS2"; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn (LS2), lãi phạt chậm trả là 10%/năm. Ngân hàng đã chuyển vào tài

khoản vay cùa bà Th số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 4/6/2018. Ngày 13/02/2020 bà Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Đến ngày 20/8/2020, Ngân hàng chuyển toàn bộ số nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 26/6/2023 bà Th còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 66.666.660 đồng, lãi trong hạn là 9.000.098 đồng, lãi quá hạn là 56.292.104 đồng, phạt chậm trả là 8.670.006 đồng. Tổng cộng là 140.628.869 đồng. Nay, Ngân yêu cầu bà Th trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền trên một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt theo đúng quy định của pháp luật triệu tập bà Trần Thị Ngọc Th đến Tòa để làm việc, dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Th vẫn vắng mặt nên không ghi được ý kiến của bà.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu buộc bà Th phải trả số tiền là 142.110.366 đồng (trong đó tiền gốc còn lại là 66.666.660 đồng, lãi trong hạn là 9.000.098 đồng, lãi quá hạn là 57.477.683 đồng, phạt chậm trả là 8.965.925 đồng tạm tính đến ngày 18/7/2023. Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp bà Th chậm nghĩa vụ thanh toán thì kể từ ngày xét xử, bà Th phải trả số tiền lãi phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tương ứng với số nợ gốc cho đến khi trả hết số tiền trên. Phía bị đơn, bà Th đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, nhận thấy việc chậm trả tiền của bị đơn ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục giải quyết: Bà Trần Thị Ngọc Th có ký hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP A. Do đó có cơ sở xác định giữa bà Th và Ngân hàng có giao kết hợp đồng dân sự như quy định tại Điều 463 Bộ Luật dân sự năm 2015 nên quan hệ tranh chấp được xác định là " Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Bà Th cư ngụ tại quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tòa án đã thực hiện việc tống đạt đúng theo quy định của pháp luật, triệu tập các bên đến tham gia phiên tòa nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ

điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của Ngân hàng TMCP A buộc bà Trần Thị Ngọc Th trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 66.666.660 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định rằng bà Th có ký với Ngân hàng Hợp đồng tín dụng trả góp số BH2.CN.572.040618, số tài khoản vay 263543599. Ngày 13/02/2020 bà Th vi phạm nghĩa vụ không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng, vi phạm mục 4.2 Điều 4 của hợp đồng mà bà Th đã thỏa thuận cùng Ngân hàng nên Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn và yêu cầu bà Th thanh toán số tiền gốc cho Ngân hàng là có cơ sở.

[4] Về tiền lãi: Do bà Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm hợp đồng ký kết nên bà Th phải thanh toán tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả theo bảng chiết tính của Ngân hàng số tiền 75.443.706 đồng tạm tính đến ngày 18/7/2023 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ nhưng bà Th không đến tòa để tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử. Do đó căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn, xét việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vi phạm Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên cần phải buộc bà Th có trách nhiệm trả số tiền trên cho Ngân hàng một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của của Ngân hàng được chấp nhận nên bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.105.518 đồng, nguyên đơn không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 90, 91, 92 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP A

Bà Trần Thị Ngọc Th có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền gốc của hợp đồng tín dụng là 66.666.660 đồng, tiền lãi trong hạn là 9.000.098 đồng, lãi quá hạn là 57.477.683 đồng, lãi phạt chậm trả là 8.965.925 đồng. Tổng cộng là 142.110.366 (Một trăm bốn mươi hai triệu một trăm mười ngàn ba trăm sáu mươi sáu) đồng .Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 19/7/2023 bà Th còn phải trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết tương ứng với số nợ gốc cho đến khi trả hết số tiền nêu trên.

2. Về án phí dân sự: Án phí dân sự sơ thẩm là 7.105.518 (Bảy triệu một trăm lẻ năm ngàn năm trăm mười tám) đồng bà Th chịu. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.129.946 (Hai triệu một trăm hai mươi chín ngàn chín trăm bốn mươi sáu) đồng theo biên lai thu số AA/2022/0012155 ngày 23/11/2022 và số tiền 2.095.432 (Hai triệu không trăm chín mươi lăm ngàn bốn trăm ba mươi hai) đồng biên lai số AA/2022/0013076 ngày 7/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TANDTPHCM.
-VKSNDQGV;
-CCTHAQGV;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Bảo Thu

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

Hội